

a) đã thực hiện một cách nghiêm túc những nhiệm vụ đề ra trong phần 1 và đạt được một số kết quả bước đầu ;

b) đã thực hiện nhiệm vụ nhà trường với tinh thần không ngừng phấn đấu, tự lực cánh sinh, khắc phục khó khăn, trung thực với cấp trên, chân thành khiêm tốn học tập các đơn vị bạn, học tập kinh nghiệm tiên tiến (của các đơn vị tiên tiến do Bộ đã tổng kết kinh nghiệm và của các đơn vị bạn khác) ;

c) trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đã có một số kinh nghiệm tốt (kinh nghiệm thành công cũng như kinh nghiệm thất bại) ;

2. Những đơn vị trường đạt những yêu cầu sau đây sẽ được tặng danh hiệu *trường tiên tiến xuất sắc* :

a) đã thực hiện một cách nghiêm túc nhiệm vụ của nhà trường và đạt kết quả tương đối toàn diện và rõ nét.

b) có tinh thần tiến công cách mạng, trung thực, khiêm tốn, hợp tác xã hội chủ nghĩa.

c) đã đi sâu vào khoa học giáo dục và khoa học quản lý, có nhiều kinh nghiệm, sáng kiến tốt và đã phát huy tác dụng đối với các đơn vị khác.

3. Những đơn vị trường đạt tiêu chuẩn của trường tiên tiến xuất sắc ở mức độ cao hơn, toàn diện hơn và có tác dụng đối với các đơn vị bạn trên một địa bàn rộng rãi hơn sẽ được tặng danh hiệu là *trường học xã hội chủ nghĩa*.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Bản quy chế tạm thời này áp dụng cho tất cả các trường phổ thông các cấp kể từ năm học 1973 — 1974.

Những quy định cũ trái với quy chế này đều bị bãi bỏ.

2. Dưới sự hướng dẫn của Bộ Giáo dục, các Sở, Ty Giáo dục chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo và tổ chức thực hiện những điều đã được quy định.

3. Bộ Giáo dục sẽ có các văn bản hướng dẫn thực hiện quy chế và văn bản hướng dẫn áp dụng thể lệ các kỳ thi hết cấp và thi tốt nghiệp phổ thông phù hợp với những điều nói trong quy chế này.

Hà-nội, ngày 28 tháng 3 năm 1973

Bộ trưởng Bộ Giáo dục
NGUYỄN VĂN HUYỀN

BỘ THỦY LỢI

THÔNG TƯ số 6-TL/KTCB ngày 22-3-1973 quy định tỷ lệ phụ phí thi công các công trình xây dựng cơ bản ngành thủy lợi.

Phụ phí thi công là một trong hai bộ phận cơ bản của dự toán của công trình kiến thiết cơ bản. Từ năm 1957, được sự thỏa thuận của cơ quan Nhà nước, Bộ Thủy lợi đã lần lượt quy định mức chi phí gián tiếp áp dụng cho các công trình trong ngành. Các định mức đó đã phục vụ kịp thời cho thi công và công tác quản lý xây dựng cơ bản những năm qua.

Tuy vậy, các văn bản ra còn lẻ tẻ, có loại công tác quy định nhiều lần, nội dung có điểm không còn thích hợp nữa. Một số loại công trình lại chưa có quy định, nên trong thực hiện, quản lý có khó khăn, lúng túng, dễ nhầm lẫn. Gần đây Nhà nước lại ban hành một số chế độ mới thuộc thành phần phụ phí thi công, cần được bổ sung vào định mức tỷ lệ.

Căn cứ chủ trương của Đảng và Chính phủ và yêu cầu quản lý kinh tế, phương hướng công tác kiến thiết cơ bản trong những năm tới và đặc điểm của ngành ; được Ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước thỏa thuận bằng công văn số 111-UB/KTXĐ ngày 20-3-1973, Bộ quy định mức phụ phí thi công các công trình xây dựng cơ bản ngành thủy lợi sau đây.

Phần thứ nhất

NỘI DUNG PHỤ PHÍ THI CÔNG

Nay thống nhất gọi tỷ lệ phụ phí thi công thay cho tỷ lệ chi phí gián tiếp trước đây. Nội dung phụ phí thi công gồm :

I. Chi phí quản lý hành chính.

Chi phí quản lý hành chính bao gồm các chi phí cho bộ máy tổ chức quản lý sản xuất từ công ty đến công trường, các phòng ban cũng như toàn thể cán bộ, nhân viên thuộc định biên của công ty, công trường như kỹ thuật, cung ứng, thủ kho, y tế, tạp vụ, bảo vệ... Các chi tiết chi phí quản lý hành chính là :

1. Tiền lương chính và các khoản phụ cấp lương như ngày nghỉ theo chế độ, làm đêm, làm thêm giờ, luyện tập quân sự, học, họp và làm các nghĩa vụ khác, phụ cấp lưu động, phụ cấp ngoài lương (4,7% bảo hiểm xã hội).

2. Dụng cụ y tế : tiền thuốc, tiền bồi dưỡng khi ốm đau nằm tại trạm xá ; tiền thuốc, tiền bồi dưỡng theo đơn, tiền xe cáng đi viện ; thuốc phòng chữa bệnh thông thường, tiền thuốc phụ khoa cho nữ.

Dụng cụ y tế vệ sinh tại trạm y tế, trạm xá của công ty, công trường.

3. Chi phí về tàu xe phép năm.

4. Công tác phí.

5. Giao thông phí gồm khấu hao, sửa, chữa, xăng dầu cho ô-tô, mô-tô công ; lương công nhân lái xe con. Nơi không có ô-tô, mô-tô công nếu cần thiết phải thuê xe đi công tác gấp cũng tính vào khoản này. Điều này chi áp dụng cho công ty, công trường xây lắp là đơn vị hạch toán kinh tế.

6. Điện nước, vệ sinh : gồm chi phí đầu đèn hay điện ánh sáng để làm việc, sinh hoạt ; nước uống khi làm việc, nước sinh hoạt.

7. Văn phòng phẩm : Chi phí về giấy, mực, bút, thước và các loại giấy tờ cần thiết cho công tác từ công ty, công trường đến đội, tổ.

8. Bru phí gồm tiền thuê máy, pin chạy máy điện thoại hay vô tuyến ; đặt điện thoại, tổng đài ở cơ quan công ty, tiền đàm thoại, tem công văn, công điện... Nếu phải dùng liên lạc cũng chi vào khoản này.

9. Nghiệp vụ phí : gồm tiền in giấy tờ, sổ sách nghiệp vụ, giấy mực vẽ kỹ thuật, mua tài liệu, sách báo nghiệp vụ, kỹ thuật cần thiết phục vụ thi công.

10. Dụng cụ hành chính gồm tiền khấu hao dụng cụ thuộc tài sản cố định như máy chữ, máy tính, máy in rô-nê-ô, âm-ơ-li và loa truyền thanh và các dụng cụ máy móc khác ; phân bổ dụng cụ không thuộc tài sản cố định như bàn, ghế, hòm, tủ, bàn đèn, bàn uống nước, khóa, ấm chén, phích, bờ rác, chổi lông, chổi rơm và các phương tiện dụng cụ khác phục vụ nơi làm việc kể cả cho cán bộ chuyên trách Đảng, đoàn thể.

11. Dụng cụ kỹ thuật : chi phí về khấu hao, phân bổ các dụng cụ đo lường, thí nghiệm, kiểm nghiệm và dụng cụ vẽ kỹ thuật.

12. Dụng cụ bảo hộ lao động : Chi phí phân bổ ủng, áo mưa, quần áo xanh, kính mũ và các dụng cụ bảo hộ lao động khác cho cán bộ, công nhân viên công ty, công trường thuộc diện được trang bị hay mượn khi làm việc theo quy định.

13. Dụng cụ sinh hoạt : khấu hao, phân bổ giường, bàn ghế, ấm, chén, đèn, dầu, xô, thùng,

chậu, gầu múc nước và các phương tiện dụng cụ khác phục vụ nơi ở.

14. Sửa chữa dụng cụ : bao gồm chi phí sửa chữa tất cả dụng cụ, phương tiện làm việc, sinh hoạt và phục vụ thi công, bảo hộ lao động... của công ty, công trường.

15. Chi phí cho chuẩn bị và kết thúc công trường gồm toàn bộ chi phí cho công nhân viên đến chuẩn bị công trường trước khi thi công, thanh quyết toán sau khi kết thúc.

II. Chi phí phục vụ nhân công.

Chi phí phục vụ nhân công là các khoản phục vụ đời sống, sinh hoạt, phương tiện dụng cụ làm việc cho lực lượng lao động trực tiếp, bao gồm :

1. Lương phụ và phụ cấp ngoài lương : Lương ngày nghỉ theo chế độ, ngày học, họp, luyện tập quân sự và làm nghĩa vụ khác, ngày nghỉ vì mưa rét, giảm năng suất những ngày hành kinh cho nữ (chi áp dụng cho công nhân làm đất) ; phụ cấp lưu động, phụ cấp tổ trưởng, phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ ; 4,7% bảo hiểm xã hội... Tiền tàu xe phép năm và công tác phí nếu có.

Lao động nghĩa vụ chi bao gồm thù lao cho chi huy, cấp dưỡng, y tế của đơn vị ; thù lao cho những ngày nghỉ thường lệ, nghỉ lễ, nghỉ ốm, nghỉ vì mưa rét, giảm năng suất ngày hành kinh cho nữ.

2. Tiền thuốc, tiền bồi dưỡng : đối với công nhân áp dụng như điểm 2 mục I trên đây, đối với lao động nghĩa vụ theo chế độ hiện hành. Khoản này công trường phải quản lý và tổ chức phục vụ tốt chứ không thanh toán và khoản trắng cho người lao động.

3. Điện nước — vệ sinh : đối với công nhân áp dụng như điểm 6 mục I trên đây, đối với lao động nghĩa vụ theo chế độ hiện hành.

4. Dụng cụ sinh hoạt : đối với công nhân áp dụng như điểm 13 mục I trên đây, đối với lao động nghĩa vụ theo chế độ hiện hành.

III. Chi phí phục vụ thi công.

1. Dụng cụ thi công gồm chi phí về khấu hao, phân bổ, sửa chữa các dụng cụ thi công, kể cả sửa chữa dụng cụ thay thế.

2. Phòng hộ lao động gồm chi phí về phòng hộ lao động tất cả cho lực lượng lao động theo chức danh, ngành nghề được trang bị hay cho mượn theo đúng quy định.

3. Công trình tạm loại nhỏ : như lán che mưa nắng, nhà hồ, hố vôi, hàng rào nửa bên trong hiện trường, đường cụt, hố xí, hố tiêu, chỗ tắm cho nữ ở hiện trường, bể nước thi công.

4. Chi phí về mô hình, lên giá ngựa đề hướng dẫn thi công và đo đạc nhỏ.

IV. Chi phí khác.

Gồm các chi phí cần thiết khác ngoài 3 mục trên.

1. Chi phí về sơ, tổng kết, khánh tiết, tiếp tân, nghiệm thu bàn giao (kể cả vận hành thử, thu dọn khi nghiệm thu bàn giao). Công trường sử dụng lao động nghĩa vụ còn gồm động viên khen thưởng thi đua.

2. Bảo vệ công trường : gồm các chi phí đề phòng hỏa hoạn, bão, lụt, phòng gian kẻ cả

dụng cụ vật liệu phục vụ việc này như đèn, pin ba-ri-e... không kể lương và chi phí cho nhà viên bảo vệ thuộc định biên của công trường.

3. Bảo quản kho tàng : gồm các chi phí về bảo vệ bảo quản vật liệu, kê lót kho xi măng sắt gỗ, bãi cát, đá... Kiểm kê định kỳ, kê giấy mực, dụng cụ, vật liệu, nhân công cần thiết khi kiểm kê.

4. Chi phí sửa chữa thường xuyên doanh trại, đường sá, cống rãnh, đường điện nước, đặt thêm bóng điện, vòi nước ở khu vực ăn, ở, làm việc.

5. Chi phí về di chuyển, tuyên mộ nhỏ.

6. Chi phí bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn cho công nhân viên.

7. Chi phí tiếp đãi thân nhân công nhân viên công ty, công trường công tác ở miền núi.

Phần thứ hai

ĐỊNH MỨC TỶ LỆ PHỤ PHÍ THI CÔNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

A. Định mức tỷ lệ phụ phí thi công

Số thứ tự	Loại công trình	Tỷ lệ chung	Chia ra				Ghi chú	
			Quản lý hành chính %	Phục vụ nhân công %	Phục vụ thi công %	Chi phí khác %		
1	2	3	4	5	6	7	8	
1	Công tác đào đắp kênh mương, móng công trình ; đắp đê đập, san bóc bãi, làm kè do đội thủy lợi thi công :	a) Miền núi	72,00	4,57	27,28	39,50	0,65	Không phải biệt mức phụ cấp lao động
		b) Trung du và đồng bằng	69,00	4,38	26,17	37,98	0,47	
2	Công tác đào đắp kênh mương, móng công trình đắp đê, đập, san bóc bãi, làm kè do dân công thi công :	a) Miền núi	53,00	6,45	28,55	17,25	0,750	Không phải biệt mức phụ cấp lao động
		b) Trung du và đồng bằng	50,00	6,09	26,87	16,32	0,720	
3	Công tác đào đắp kênh mương, móng công trình đắp đê, đập, san bóc bãi, làm kè do công nhân chuyên nghiệp thi công	a) Miền núi :						
		Phụ cấp lao động 10%	76,4	7,08	47,43	21,01	0,88	
		— nt — 8%	74,00	6,99	45,12	21,01	0,88	
	— nt — 5%	70,60	6,89	41,82	21,01	0,88		

09667973

1	2	3	4	5	6	7	8
	b) Trung du và đồng bằng :						
	Phụ cấp lao động 100%	67,7	6,40	41,50	19,10	0,70	
	- nt - 80%	65,2	6,33	39,07	19,10	0,70	
	- nt - 50%	63,0	6,23	36,97	19,10	0,70	
4	Công tác làm tuy-nen, đường hầm :						
	Phụ cấp lao động 100%	118,00	7,09	73,42	36,61	0,88	
	- nt - 80%	115,40	7,00	70,91	36,61	0,88	
	- nt - 50%	112,00	6,89	67,62	36,61	0,88	
5	Công tác thi công các công trình cầu, cầu máng, cống, âu thuyền, bến cảng, trạm bơm, trạm thủy điện, đập tràn, đập dâng, công trình nâng tàu, xây lát kênh :						
	a) Miền núi :						
	Phụ cấp lao động 100%	15,50	4,57	6,82	3,55	0,56	
	- nt - 80%	15,00	4,50	6,39	3,55	0,56	
	- nt - 50%	14,60	4,48	6,01	3,55	0,56	
	b) Trung du và đồng bằng						
	Phụ cấp lao động 100%	15,00	4,430	6,60	3,43	0,54	
	- nt - 80%	14,50	4,360	6,17	3,43	0,54	
	- nt - 50%	14,00	4,30	5,73	3,43	0,54	

B. Phạm vi áp dụng.

1. Công tác làm đất, làm kê, làm tuy-nen tỷ lệ nhân thẳng với tổng giá trị nhân công trực tiếp.

Công trường có hai hay ba lực lượng cùng thi công, thì phần khối lượng do lực lượng nào làm sẽ lập dự toán và áp dụng tỷ lệ theo loại lực lượng đó.

Công trường do huyện tổ chức quản lý thì giảm tỷ lệ chung đi 1,50% cho công trường sử dụng dân công; 1,00% cho công trường đội thủy lợi và trừ trực tiếp vào phần quản lý hành chính, không được trừ vào các phần khác.

Tỷ lệ phụ phí thi công cho khối lượng công trình mà địa phương khoán thẳng cho xã, lao động nghĩa vụ sáng đi làm, tối về nhà, không phải ăn ở tập trung thì Ty thủy lợi quy định cụ thể có sự tham gia của các cơ quan hữu quan ở địa phương và thông qua Cục kiến thiết cơ bản trước khi áp dụng.

2. Công trình xây lắp : Tỷ lệ nhân thẳng với tổng giá trị trực tiếp (nhân công + vật liệu + máy thi công nếu có).

3. Các loại công trình khác : Các loại công tác mang tính chất chung như thi công bằng cơ

giới, lắp máy.... công trình mang tính chất chuyên ngành như thi công đường dây điện thoại, rải đường, kiến trúc dân dụng,... nằm trong hệ thống công trình thủy lợi, thì áp dụng các tỷ lệ do Nhà nước ban hành hay ngành chuyên quản loại công trình đó quy định. Nếu có loại công trình nào đó chưa có tỷ lệ quy định thì có thể tùy tính chất, mà áp dụng một tỷ lệ tương ứng nhưng phải được Cục kiến thiết cơ bản thỏa thuận.

Phần thứ ba

NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ THỰC HIỆN

1. Thông tư này thực hiện kể từ ngày 1 tháng 4 năm 1973. Những khối lượng, hạng mục công trình mới hoặc thi công dở dang làm từ ngày 1 tháng 4 năm 1973 trở đi được lập hoặc điều chỉnh dự toán theo quy định của thông tư này.

2. Định mức trên đây quy định từng phần : quản lý hành chính, phục vụ nhân công, phục vụ thi công và chi phí khác ; Đơn vị thi công trong quá trình hạch toán, chi phí có quyền

điều hòa các chi tiết trong từng phần nhưng không được đem tiền của phần này chi cho phần khác. Đối với lao động nghĩa vụ, công trường phải thanh toán đầy đủ cho anh chị em những khoản mà họ được hưởng. Khoản gì công trường đảm bảo cung cấp cho họ thì công trường được giữ khoản đó để chi phí, vì lý do đặc biệt công trường không cung cấp được mà họ phải tự túc thì công trường phải thanh toán sòng phẳng cho anh chị em. Cấm ngặt việc cắt xén những khoản đã quy định cho người lao động để chi cho bộ máy công trường hay chi cho việc khác.

3. Các định mức trên đây đã tính chung từ công ty đến công trường, việc hạch toán tập trung hay giữ lại ở công ty bao nhiêu, công trường bao nhiêu là tùy bên B; công trường không có công ty thì được hưởng cả. Sau này Bộ có thành lập cơ quan quản lý cấp trên như Tổng công ty hay Cục thì Bộ sẽ kiến nghị Nhà nước định thêm tỷ lệ sau.

Trường hợp B chính (đơn vị tổng thầu) chia thầu lại cho B phụ thì B phụ phải trích cho B chính 0,20% thuộc phần quản lý hành chính, đề phục vụ giao dịch, đôn đốc, giám sát nhằm đảm bảo kế hoạch, chất lượng chung của công trình. (Nếu quản lý hành chính là 4,40% thì B chính hưởng 0,20%, B phụ 4,20%)

4. Các thông tư, văn bản quy định, hướng dẫn bổ sung về các định mức tỷ lệ chi phí gián tiếp của Bộ trước đây đều hủy bỏ, trừ thông tư số 17 TL/KTCB ngày 11-11-1969 và thông tư bổ sung số 07-TL/KTCB ngày 22-4-1970 đề nêu địa phương nào còn tổ chức đội chủ lực thủy lợi thì vẫn áp dụng.

Được sự thỏa thuận của Ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước thông tư này thay thế các điểm trong mục III phần thứ ba, thông tư số 159-UB/KTDD ngày 25-10-1968 của Ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước.

5. Ông cục trưởng Cục kiến thiết cơ bản giúp Bộ ra văn bản quy định thêm và giải thích, hướng dẫn những điểm cần thiết trong thông tư này.

6. Ông Vụ trưởng Vụ tài vụ có nhiệm vụ hướng dẫn các đơn vị hạch toán, chi phí các khoản theo đúng chế độ hiện hành.

7. Trong quá trình thực hiện, thấy có điểm nào chưa phù hợp, các địa phương, đơn vị báo

cáo về Bộ (có số liệu chứng minh cụ thể) Bộ xét cần thiết Bộ sẽ điều chỉnh bổ sung.

Hà nội, ngày 23 tháng 3 năm 1973

Bộ trưởng Bộ Thủy lợi
HÀ KẾ TẤN

**ỦY BAN BẢO VỆ BÀ MẸ VÀ TRẺ EM
TRUNG ƯƠNG**

**THÔNG TƯ số 1-UB/TT ngày 16-2-1973
hướng dẫn việc xếp vào thang
lương mới đối với cô nuôi dạy trẻ
thuộc khu vực Nhà nước.**

Trong nghị quyết số 140-CP ngày 15-7-1971 về việc tăng cường tổ chức và quản lý nhà trẻ, Hội đồng Chính phủ đã nhấn mạnh việc xây dựng đội ngũ cô nuôi trẻ và cán bộ quản lý nhà trẻ. Muốn nuôi dạy trẻ tốt, phải chú ý đến người nuôi trẻ trong các khâu tuyển lựa, đào tạo và chính sách đãi ngộ.

Vì vậy Hội đồng Chính phủ đã ra quyết định số 66-CP ngày 12-4-1972 về chế độ đãi ngộ đối với cô nuôi dạy trẻ thuộc khu vực Nhà nước.

Căn cứ vào quyết định trên, sau khi được Bộ Lao động thỏa thuận trong công văn số 52-LĐ-TL ngày 1-2-1973 Ủy ban Bảo vệ bà mẹ và trẻ em trung ương ra thông tư hướng dẫn việc xếp vào thang lương mới để các cấp các ngành thi hành.

I. MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA, YÊU CẦU

Việc sắp xếp các cô nuôi dạy trẻ vào thang lương mới nhằm góp phần vào việc ổn định đội ngũ cô nuôi dạy trẻ, nâng cao tinh thần trách nhiệm, yên tâm công tác, yêu nghề, đi sâu vào học tập văn hóa nghiệp vụ để nâng cao chất lượng nuôi dạy các cháu.

Vì vậy phải làm cho cô nuôi dạy trẻ thông suốt mục đích ý nghĩa của việc sắp xếp vào thang lương mới, thấy rõ sự quan tâm của Nhà nước, tự mình phấn đấu nâng cao trình độ văn hóa và nghiệp vụ, đoàn kết giúp đỡ nhau để làm tốt công tác nuôi dạy các cháu. Đi đôi với việc xếp lương, các đơn vị phải có biện pháp nâng cao chất lượng nhà trẻ, phải có kế hoạch bồi dưỡng để dần dần nâng cao trình độ văn hóa và nghiệp vụ của cô nuôi dạy trẻ thuộc đơn vị mình.